

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 405/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 5 -2021

V/v “Tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Phương Thảo.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Bích Hợp

2. Ông Nguyễn Hoàng Long

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Mỹ Trinh - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà:* Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị P, sinh năm: 1969

Cư trú tại: Thôn H, xã N, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1968

Cư trú tại: Thôn H, xã N, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

- Hai bên đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn, chị Phạm Thị P trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 1988, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu vài năm, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, Tp. Quy Nhơn, tỉnh

Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến khoảng 4-5 năm gần đây giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không có trách nhiệm với gia đình, nhiều lần xúc phạm chị. Vợ chồng anh chị đã ly thân 04 năm nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn. Chị nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988; Nguyễn Thị D, sinh năm 1990; Nguyễn Văn T2, sinh năm 1992. Hiện các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn, anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh thông nhất với trình bày của chị P về thời gian, điều kiện kết hôn và thời điểm phát sinh mâu thuẫn. Theo anh, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do chị P không tôn trọng anh, tự quyết mọi vấn đề trong gia đình. Vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp nhau, mạnh ai nấy sống. Tuy anh chị hiện còn ở cùng nhà nhưng ăn riêng, sinh hoạt riêng đã 04 năm nay. Nay anh không đồng ý ly hôn chị P, yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

Vợ chồng anh chị có 03 con chung như chị P trình bày. Hiện các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - chị Phạm Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến trình bày về căn cứ khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T; con chung đã thành niên không yêu cầu và không yêu cầu Tòa giải quyết tài sản chung. Bị đơn - anh Nguyễn Văn T giữ nguyên ý kiến như nội dung phần trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: anh chị có 03 con chung Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988; Nguyễn Thị D, sinh năm 1990; Nguyễn Văn T2, sinh năm 1992. Hiện các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Tài sản chung: anh chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị P với anh Nguyễn Văn T là hợp pháp. Tuy không thống nhất được nguyên nhân mâu thuẫn nhưng anh chị đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm nhau 04 năm nay. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung:

Anh chị có 03 con chung:

+ Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988

+ Nguyễn Thị D, sinh năm 1990

+ Nguyễn Văn T2, sinh năm 1992

Hiện các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết

[3] Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm:

Chị Phạm Thị P phải chịu theo qui định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn phát biểu quan điểm giải quyết phù hợp với nhận định trên của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2- Về con chung: 03 con chung Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988; Nguyễn Thị D, sinh năm 1990; Nguyễn Văn T2, sinh năm 1992. Hiện các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết.

3- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4- Án phí HNGĐ-ST: Chị Phạm Thị P phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0003557 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Tp. Quy Nhơn, Bình Định.

5- Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6-Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;

- VKSND Tp.Quy Nhơn;

- CQ THA DS Tp.Quy Nhơn;

-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Thị Phương Thảo